

**Tạp chí  
Nghiên cứu**

**TÀI CHÍNH  
KẾ TOÁN**

**TỔNG BIÊN TẬP**

PGS.TS. NGUYỄN NGUYỄN TRỌNG CƠ

**PHÓ TỔNG BIÊN TẬP**

PGS.TS. NGUYỄN TRƯƠNG THỊ THÙY

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP**

GS.TS. NGND NGÔ THẾ CHI

**ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP**

GS.TS. NGND VŨ VĂN HÓA

GS.TS. NGUYỄN ĐÌNH ĐỖ

GS.TS. NGUYỄN ĐOÀN XUÂN TIẾN

PGS.TS. NGUYỄN PHẠM NGỌC ÁNH

PGS.TS. NGUYỄN PHẠM VĂN ĐĂNG

PGS.TS. NGUYỄN PHẠM VĂN LIẾN

PGS.TS. NGUYỄN NGUYỄN VŨ VIỆT

PGS.TS. NGND TRẦN XUÂN HẢI

PGS.TS. NGUYỄN HOÀNG TRẦN HẬU

PGS.TS. NGUYỄN NGUYỄN THỊ THƯƠNG HUYỀN

PGS.TS. NGUYỄN BÁ MINH

PGS.TS. LƯU ĐỨC TUYẾN

PGS.TS. BÙI VĂN VÂN

TS. NGUYỄN VIỆT LỢI

TS. NGUYỄN THỊ LAN

PGS.TS. NGUYỄN MẠNH THIỀU

**THƯ KÝ TÒA SOẠN**

ThS. NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

**TRỊ SỰ**

PGS.TS. NGUYỄN THANH HOÀNG

**TÒA SOẠN**

SỐ 1 LÊ VĂN HIẾN

QUẬN BẮC TỪ LIÊM - HÀ NỘI

Điện thoại: 024. 3933 6122

Fax: 024. 3933 1865

E-mail: tapchinctkt@hvtc.edu.vn

**TÀI CHÍNH VĨ MÔ**

5 Sử dụng công cụ kinh tế để bảo vệ môi trường ở Việt Nam

**TS. Nguyễn Thị Việt Nga**

10 Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài với môi trường đầu tư tại Việt Nam

**Hoàng Phương Anh**

**NGHIÊN CỨU TRAO ĐỔI**

13 Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo chi phí ước tính trong doanh nghiệp sản xuất

**GS.TS. Ngô Thế Chi**

**TS. Ngô Thị Thu Hương**

19 Đo lường mức độ tác động của các nhân tố đến tổ chức công tác kế toán tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa khu vực Đồng bằng sông Cửu Long

**Ths. Nguyễn Thị Thanh Thủy**

**Ths. Phan Thanh Huyền**

**Ths. Trần Thị Kim Chi - Ths. Phạm Văn Cà**

23 Vận dụng chuẩn mực kế toán công quốc tế vào kế toán tài sản cố định ở Việt Nam

**PGS.TS. Ngô Thanh Hoàng**

**Ths. Ngô Thị Thùy Quyên**

29 Pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ở Việt Nam hiện nay dưới góc nhìn tham chiếu với CPTPP

**PGS. TS. Lê Thị Thanh**

34 Mức độ quan tâm của người sử dụng đến các thông tin trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam

**Ths. Nguyễn Bích Ngọc**

**TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP**

34 Quản trị rủi ro tín dụng tại ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam

**Ths. Trần Khánh Dương**

**37** Xây dựng hệ thống báo cáo kế toán trách nhiệm của các doanh nghiệp sản xuất vật liệu nổ công nghiệp thuộc Tổng công ty Công nghiệp hóa chất mỏ - Vinacomin

**TS. Dương Thị Vân Anh**

**41** Xây dựng và phát triển thương hiệu Viettel - những thành công và tồn tại

**Ths. Nguyễn Thị Nhung**

**41** Bảo hiểm tiền gửi vì lợi ích người gửi tiền

**Ths. Nguyễn Thị Ánh Nguyệt**

### **TÀI CHÍNH QUỐC TẾ**

**44** Kinh nghiệm nâng cao năng lực thu hút và quản lý vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài của một số nước và bài học cho Việt Nam

**PGS.TS. Hoàng Văn Quỳnh  
PGS.TS. Nguyễn Lê Cường**

**48** Giải pháp thu hút FDI vào Việt Nam trong bối cảnh thực thi cam kết trong AEC

**Ths. Cao Phương Thảo**

**56** Kinh nghiệm về tự chủ tài chính của các trường đại học công lập ở Hoa Kỳ

**Ths. Phạm Thanh Hà**

**61** Xuất khẩu đồng tiền quốc gia ra nước ngoài và một số lợi ích

**Trần Xuân Hoàng**

**66** Kinh nghiệm phát triển kinh tế trang trại bền vững ở tỉnh Hokaido - Nhật Bản và bài học cho các địa phương nước ta

**Trương Văn Quý**

### **VẤN ĐỀ HÔM NAY**

**70** An ninh tài chính - tiền tệ và công tác truyền thông

**TS. Vũ Quốc Dũng**

In tại Nhà xuất bản Thống kê - Giấy phép số: 144/GP-BTTTT ngày 28/3/2016  
In xong và nộp lưu chiểu tháng 7 năm 2018.

**Journal of  
FINANCE &  
ACCOUNTING  
RESEARCH**

---

**EDITOR IN CHIEF**

ASSOCIATE PROFESSOR NGUYEN TRONG CO

**ASSOCIATE EDITOR**

ASSOCIATE PROFESSOR TRUONG THI THUY

**CHAIRMAN OF EDITORIAL BOARD**

PROFESSOR NGO THE CHI

**MEMBERS OF EDITORIAL BOARD**

PROFESSOR VU VAN HOA

PROFESSOR NGUYEN DINH DO

PROFESSOR DOAN XUAN TIEN

ASSOCIATE PROFESSOR PHAM NGOC ANH

ASSOCIATE PROFESSOR PHAM VAN DANG

ASSOCIATE PROFESSOR PHAM VAN LIEN

ASSOCIATE PROFESSOR NGUYEN VU VIET

ASSOCIATE PROFESSOR TRAN XUAN HAI

ASSOCIATE PROFESSOR HOANG TRAN HAU

ASSOCIATE PROFESSOR NGUYEN THI THUONG HUYEN

ASSOCIATE PROFESSOR NGUYEN BA MINH

ASSOCIATE PROFESSOR LUU DUC TUYEN

ASSOCIATE PROFESSOR BUI VAN VAN

DOCTOR NGUYEN VIET LOI

DOCTOR NGUYEN THI LAN

ASSOCIATE PROFESSOR NGUYEN MANH THIEU

**SECRETARY:**

MA. NGUYEN THI THANH HUYEN

**MANAGER:**

ASSOCIATE PROFESSOR NGO THANH HOANG

**EDITORIAL OFFICE**

No. 1 LE VAN HIEN

BAC TU LIEM DISTRICT - HA NOI

Phone: 024.3933.6122

Fax: 024.3933.1865

Email: tapchinctkt@hvtc.edu.vn

**MACROFINANCE**

- 5 Using economic tools to protect the environment in Vietnam

**Nguyen Thi Viet Nga PhD**

- 10 Attracting FDI capital to the investment environment in Vietnam

**Hoang Phuong Anh**

**EXCHANGE STUDIES**

- 13 Accounting for production costs to determining the cost of products at the estimated cost of production

**Prof. PhD. Ngo The Chi  
PhD. Ngo Thi Thu Huong**

- 19 Measure the impact of factors on the organization of accounting work in small and medium enterprises in the Mekong Delta

**MA. Nguyen Thi Thanh Thuy  
MA. Phan Thanh Huyen  
MA. Tran Thi Kim Chi  
MA. Pham Van Ca**

- 23 Pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ở Việt Nam hiện nay dưới góc nhìn tham chiếu với CPTPP

**Assoc. Prof. PhD. Le Thi Thanh**

- 29 The levels concerning of the users to the information in financial reports of small and medium enterprises in Vietnam

**MA. Nguyen Bich Ngoc**

- 34 Applying international public accounting standards to accounting for fixed assets in Vietnam

**Assoc. Prof. PhD. Ngo Thanh Hoang  
MA. Ngo Thi Thuy Quyen**

**CORPORATE FINANCE**

37 Credit risks management in BIDV

**MA. Tran Khanh Duong**

41 Establishing accounting reporting system for the responsibility of industrial explosive materials manufacturing enterprises in Vinacomin

**PhD. Duong Thi Van Anh**

44 Building and developing the Viettel brand - the success and restriction

**MA. Nguyen Thi Nhung**

48 Deposit insurance for benefit of depositors

**MA. Nguyen Thi Anh Nguyet**

**INTERNATIONAL FINANCE**

56 Experience in upgrading the attraction and management of FPI from some countries and lesson for Vietnam

**Assoc. Prof. PhD. Hoang Van Quynh  
Assoc. Prof. PhD. Nguyen Van Cuong**

61 Solution for attracting FDI to Vietnam in the context of applying AEC

**MA. Cao Phuong Thao**

66 Experience of Financial autonomy of public universities in USA

**MA. Pham Thanh Ha**

66 Exports of national currency abroad and some benefits

**Tran Xuan Hoang**

66 Experience developing sustainable farm economy in Hokaido province - Japan and lessons for our localities

**MA. Truong Van Quy**

**ISSUES OF THE DAY**

70 Financial - monetary security and communication

**PhD. Vu Quoc Dung**

# ĐO LƯỜNG MỨC ĐỘ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC NHÂN TỐ ĐẾN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA KHU VỰC ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Ths. Nguyễn Thị Thanh Thủy\* - Ths. Phan Thanh Huyền\*  
Ths. Trần Thị Kim Chi\* - Ths. Phạm Văn Cà\*

*Đề tài nghiên cứu nhằm xác định và đo lường mức độ tác động của các nhân tố đến tổ chức công tác kế toán tại các DNNVV khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL); từ đó đề xuất một số hàm ý nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán tại các DNNVV khu vực ĐBSCL. Kết quả nghiên cứu cho thấy có 08 nhân tố tác động đến tổ chức công tác kế toán tại các DNNVV khu vực ĐBSCL: khung pháp lý về kế toán; đối tượng sử dụng thông tin kế toán; quan tâm của chủ doanh nghiệp; hệ thống kiểm soát nội bộ; năng lực nhân viên kế toán; ứng dụng công nghệ thông tin; quy mô doanh nghiệp; các dịch vụ tài chính kế toán.*

• Từ khóa: tổ chức công tác kế toán, doanh nghiệp nhỏ và vừa.

*The study aims to identify and measure the impact of factors on the organization of accounting work at small and medium enterprises (SMEs) in the MeKong Delta, thereby suggesting some implications for perfecting the organization of accounting work at SMEs. The results of this research show that there are eight factors influencing the organization of accounting work at SMEs in the MeKong Delta, including: legal framework on accounting, objects using information, the interest of the business owner, the internal control system, capacity of accounting staff, application of information technology, business size, accounting and financial services.*

• Keywords: the organization of accounting work, small and medium enterprises.

Ngày nhận bài: 3/4/2018

Ngày chuyển phân biện: 7/4/2018

Ngày nhận phân biện: 17/4/2018

Ngày chấp nhận đăng: 20/4/2018

## 1. Cơ sở lý thuyết về các yếu tố ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán

### (1) Nhân tố Khung pháp lý về kế toán

Soderstrom & Sun (2007) nghiên cứu các yếu tố quyết định đến chất lượng của Báo cáo tài chính khi áp dụng IFRS bao gồm: hệ thống pháp luật và chính trị, chuẩn mực kế toán và việc trình bày

BCTC. Chất lượng thông tin BCTC có được là do chất lượng của công tác tổ chức kế toán.

### (2) Nhân tố đối tượng sử dụng thông tin kế toán

Collis & Jarvis (2000) cho rằng đối tượng sử dụng báo cáo tài chính của các DN nhỏ chủ yếu là cơ quan thuế, ngân hàng, bản thân nhà quản lý doanh nghiệp. Theo đó, cơ quan thuế và ngân hàng là một trong những đối tượng cần cung cấp thông tin mà DN hướng đến. Ngoài ra, số liệu báo cáo tài chính trung thực và hợp lý luôn là một trong những tiêu chí để các đối tác có thể xem xét trước khi ra quyết định kinh doanh. Từ những quan điểm trên, có thể thấy người sử dụng thông tin và nhu cầu sử dụng thông tin kế toán có tác động đến tổ chức công tác kế toán tại các DNNVV.

### (3) Nhân tố quan tâm của chủ doanh nghiệp

Adeh Ratna Komala (2012) cho rằng hỗ trợ từ phía nhà quản trị được xem là cam kết của nhà quản trị trong việc gắn kết các mục tiêu của công ty và chiến lược được thể hiện dưới hình thức tham gia hỗ trợ trong việc xây dựng một thái độ tích cực hướng đến sự hiệu quả của thông tin và đảm bảo việc cung cấp cách vận hành hệ thống thông tin kế toán.

### (4) Nhân tố hệ thống kiểm soát nội bộ

Nunuy Nur Afiah & Dien Noviany Rahmatih (2014) đã thực hiện nghiên cứu tác động của năng lực tổ chức và hệ thống KSNB đến chất lượng

\* Trường Đại học Trà Vinh

thông tin BCTC và tác động của chất lượng thông tin BCTC. Kết quả nghiên cứu cho thấy năng lực tổ chức và hệ thống KSNB có tác động đến chất lượng thông tin BCTC thông qua công tác kế toán.

#### (5) Nhân tố năng lực của nhân viên kế toán

Mandilas et al (2010) nghiên cứu về sự thích hợp IFRS for SMEs tại Ai Cập. Kết quả nghiên cứu xác định được các nhân tố ảnh hưởng đến sự thích hợp của IFRS đối với SMEs là nhu cầu thông tin BCTC minh bạch, môi trường kinh tế, văn hóa và trình độ kế toán viên.

#### (6) Nhân tố ứng dụng công nghệ thông tin

Ahmad Al - Hiyari & cộng sự (2013) nghiên cứu các nhân tố tác động đến chất lượng thông tin kế toán. Kết quả nghiên cứu cho thấy nhân tố nguồn lực con người, chất lượng hệ thống thông tin kế toán có ảnh hưởng đến chất lượng thông tin kế toán.

#### (7) Nhân tố quy mô doanh nghiệp

Ismail (2009) chỉ ra rằng các đơn vị có quy mô khác nhau thì tổ chức công tác kế toán cũng khác nhau, cụ thể theo nghiên cứu này đối với các đơn vị có quy mô nhỏ và vừa thì yêu cầu tổ chức kế toán chắc chắn khác với doanh nghiệp có quy mô lớn.

#### (8) Nhân tố các dịch vụ tài chính kế toán

Nguyễn Thị Huyền Trâm (2007) nghiên cứu tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam. Kết quả cho thấy nhân tố người sử dụng và thông tin cần thiết, các qui định pháp lý, hệ thống kiểm soát nội bộ, yêu cầu và khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và các dịch vụ tài chính - kế toán có ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán trong các DNNVV ở Việt Nam.

### 2. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở kết hợp các lý thuyết có liên quan, tác giả xây dựng mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán tại các DNNVV khu vực ĐBSCL gồm 8 nhân tố như bảng bên.

Số liệu được thu thập vào tháng 11/2017 với đối tượng được phỏng vấn ngẫu nhiên nhân viên kế toán của 265 DNNVV khu vực ĐBSCL. Tác giả sử dụng thang đo Likert 5 điểm:

1 là hoàn toàn không đồng ý; 2 là không đồng ý; 3 là không ý kiến; 4 là đồng ý; 5 là hoàn toàn đồng ý. Nghiên cứu được tiến hành qua 2 bước: (1) Nghiên cứu định tính bằng cách xây dựng thang đo và các biến quan sát phù hợp; (2) Nghiên cứu định lượng thông qua sự hỗ trợ của phần mềm SPSS 20.0 bằng việc sử dụng hệ số tin cậy Cronbach's Alpha để kiểm tra mức độ chặt chẽ mà các mục hỏi trong thang đo tương đương với nhau; phân tích nhân tố khám phá (EFA) được kiểm định các nhân tố ảnh hưởng và nhận diện các yếu tố được cho là phù hợp; đồng thời sử dụng phân tích hồi quy đa biến để xác định các nhân tố và mức độ tác động của từng nhân tố đến tổ chức công tác kế toán tại các DNNVV khu vực ĐBSCL. Mô hình nghiên cứu cụ thể như sau:

$$TCCTKT = \beta_1 * PL + \beta_2 * DT + \beta_3 * QT + \beta_4 * KS + \beta_5 * NL + \beta_6 * UD + \beta_7 * QM + \beta_8 * DV + \varepsilon$$

Trong đó:

$\beta_1$ : Trọng số hồi quy;

PL: Khung pháp lý về kế toán;

DT: Đối tượng sử dụng thông tin;

QT: Quan tâm của chủ doanh nghiệp;

KS: Hệ thống kiểm soát nội bộ;

NL: Năng lực nhân viên kế toán;

UD: Ứng dụng công nghệ thông tin;

QM: Quy mô doanh nghiệp;

DV: Các dịch vụ tài chính kế toán;

**Bảng: Tổng hợp cơ sở hình thành thang đo và chiều tác động**

STT	Nhân tố	Kế thừa từ các nghiên cứu trước	Cơ sở lý thuyết	Tác động
1	Khung pháp lý về kế toán	Soderstrom & Sun (2007)	Lý thuyết bất lợi ích xã hội	+
2	Đối tượng sử dụng thông tin kế toán	Collis & Jarvis (2002)	Lý thuyết thông tin bất cân xứng	+
3	Quan tâm của chủ doanh nghiệp	Adech Ratna Komala (2012)	Lý thuyết tín hiệu	+
4	Hệ thống kiểm soát nội bộ	Nunuy Nur Afiah & Dien Noviany Rahmatih (2014)	Lý thuyết đại diện	+
5	Năng lực nhân viên kế toán	Mandilas et al (2010)	Lý thuyết ngẫu nhiên	+
6	Ứng dụng công nghệ thông tin	Ahmad Al-Hiyari & cộng sự (2013)	Lý thuyết xử lý thông tin	+
7	Quy mô doanh nghiệp	Ismail (2009)	Lý thuyết ngẫu nhiên	+
8	Các dịch vụ tài chính kế toán	Nguyễn Thị Huyền Trâm (2007)	Lý thuyết ngẫu nhiên	+

TCCTKT: Tổ chức công tác kế toán tại các DNNVV khu vực ĐBSCL;

ε: Hệ số nhiễu.

**3. Kết quả và thảo luận**

**3.1. Đánh giá độ tin cậy của thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha**

Kết quả chạy Cronbach's Alpha của thang đo cho 8 biến độc lập và 1 biến phụ thuộc như sau: Khung pháp lý về kế toán có Cronbach's Alpha = 0.821; Đối tượng sử dụng thông tin có Cronbach Alpha = 0.788; Quan tâm của chủ doanh nghiệp có Cronbach's Alpha = 0.899; Hệ thống kiểm soát nội bộ có Cronbach's Alpha = 0.762; Năng lực của nhân viên kế toán có Cronbach's Alpha = 0.856; Ứng dụng công nghệ thông tin có Cronbach Alpha = 0.735; Quy mô doanh nghiệp có Cronbach Alpha = 0.809; Các dịch vụ tài chính kế toán có Cronbach Alpha = 0.893; Tổ chức công tác kế toán có Cronbach Alpha = 0.897.

Thang đo KS3 bị loại bỏ để tăng Cronbach's Alpha của biến KS từ 0.739 lên 0.762. Thang đo NL5, QM3 bị loại bỏ do có hệ số tương quan biến tổng < 0.3. Tất cả các thang đo còn lại của các biến đều có hệ số tương quan biến tổng lớn hơn 0.3 và hệ số Cronbach's Alpha đều lớn hơn 0.7. Sau khi loại bỏ thang đo KS3, NL5, QM3 thì các biến quan sát còn lại của các thang đo đều đảm bảo độ tin cậy. Do đó, có 37 biến quan sát cho 8 biến độc lập và 1 biến phụ thuộc được giữ lại để phân tích EFA.

**3.2. Phân tích nhân tố khám phá EFA**

+ Phân tích khám phá EFA cho các biến độc lập: Sau khi loại bỏ QM2 do có hệ số tải nhân tố < 0.5, kết quả EFA cho thấy hệ số KMO = 0.842 và kiểm định Barlett có Sig. = .000 (<.05) cho thấy phân tích EFA là thích hợp.

+ Phân tích khám phá EFA cho biến phụ thuộc "TCCTKT": Kết quả EFA cho thấy hệ số KMO = 0.692 và kiểm định Barlett có Sig. = .000 (<0.05) cho thấy phân tích EFA là thích hợp.

**3.3. Kiểm định các giả thiết cần thiết trong mô hình phân tích hồi quy**

+ Xét ma trận tương quan: Các biến có giá trị sig. (2 - tailed) < 0.05 theo hàng biến phụ thuộc được chọn làm các biến độc lập để chạy hàm hồi quy đa biến. Kết quả có 8 biến có giá trị sig. (2 - tailed) < 0.05 nên được chọn làm các biến độc lập để chạy hàm hồi quy đa biến.

+ Kiểm định hiện tượng đa cộng tuyến: Kết quả kiểm tra hiện tượng đa cộng tuyến của mô hình, ta thấy hệ số phóng đại phương sai (VIF) của các khái niệm độc lập trong mô hình đều nhỏ hơn 10; chứng tỏ giữa các khái niệm độc lập không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến.

+ Kiểm định về tính độc lập của phần dư: Đại lượng thống kê Durbin - Watson (d) của hàm hồi quy có giá trị là 1.884 < 3, cho thấy: không có hiện tượng tự tương quan chuỗi bậc 1 hay nói cách khác các phần dư ước lượng của mô hình độc lập, không có mối quan hệ tuyến tính với nhau.

**3.4. Kết quả chạy mô hình hồi quy**

Model Summary <sup>b</sup>					
Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate	Durbin-Watson
1	.794 <sup>a</sup>	.630	.618	.41742	1.884

<sup>a</sup>. Predictors: (Constant), UD, NL, QM, QT, DV, KS, ĐT, PL  
<sup>b</sup>. Dependent Variable: CL

Model		Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	Collinearity Statistics	
		B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF
1	(Constant)	-.662	.238		-2.785	.006		
	KS	.148	.058	.121	2.546	.011	.644	1.553
	NL	.136	.038	.151	3.621	.000	.829	1.206
	DV	.112	.031	.163	3.624	.000	.716	1.396
	QT	.139	.037	.160	3.793	.000	.812	1.231
	QM	.177	.045	.165	3.904	.000	.814	1.228
	ĐT	.164	.040	.202	4.053	.000	.581	1.720
	PL	.211	.047	.226	4.527	.000	.579	1.726
	UD	.084	.038	.095	2.222	.027	.784	1.276

Kết quả nghiên cứu cho thấy mô hình có độ phù hợp đạt yêu cầu (R<sup>2</sup> hiệu chỉnh = 0.618, điều này có nghĩa 61.8% sự biến thiên của TCCTKT tại các DNNVV khu vực ĐBSCL được giải thích bởi sự biến thiên của 8 biến độc lập với độ tin cậy 95%; còn lại 38.2% được giải thích bởi các biến ngoài mô hình và sai số ngẫu nhiên.

Phương trình hồi quy được viết như sau:

$$TCCTKT = 0.226 * PL + 0.202 * ĐT + 0.160 * QT + 0.121 * KS + 0.151 * NL + 0.095 * UD + 0.165 * QM + 0.163 * DV$$

Như vậy, 8 nhân tố trong mô hình nghiên cứu đều được chấp nhận, 8 nhân tố đều có tác động

thuận chiều với TCCTKT của các DNNVV khu vực ĐBSCL.

#### 4. Đề xuất giải pháp

##### 4.1. Khung pháp lý về kế toán

Bộ Tài chính cần nhanh chóng cập nhật hệ thống 26 chuẩn mực kế toán (CMKT) đã ban hành từ năm 2001 cho phù hợp với CMKT quốc tế và ban hành mới các CMKT mà quốc tế đã có nhưng Việt Nam chưa ban hành. Khi ban hành CMKT, Bộ Tài chính nên xem xét hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính doanh nghiệp để cho phù hợp, tránh có sự mâu thuẫn với CMKT, tránh để xảy ra sự xung đột giữa các văn bản pháp lý có liên quan.

##### 4.2. Đối tượng sử dụng thông tin kế toán

DN cần hoàn thiện việc công tác kế toán tại đơn vị nhằm tạo ra thông tin đáng tin cậy trên BCTC để đáp ứng nhu cầu sử dụng thông tin của các đối tượng như cơ quan thuế, ngân hàng, khách hàng, nhà cung cấp và chủ doanh nghiệp.

##### 4.3. Quan tâm của chủ doanh nghiệp

Nhà quản trị không nên định hướng cho bộ phận kế toán trình bày thông tin trên BCTC theo hướng có lợi cho mình mà phải để cho bộ phận kế toán trình bày thông tin một cách trung thực với hiện trạng kinh doanh của DN, giúp cho BCTC có chất lượng, tạo tâm lý an tâm và tin tưởng cho nhà đầu tư, ngân hàng và các đối tượng có liên quan.

##### 4.4. Hệ thống kiểm soát nội bộ

Để hiệu quả cao trong công tác quản lý và ra quyết định thì nhà quản lý cần phải có nguồn lực thông tin đầy đủ, chính xác và đáng tin cậy nên rất cần thiết phải xây dựng quy trình kiểm soát nội bộ, nhằm đảm bảo công tác kế toán hoạt động hiệu quả và giảm thiểu các rủi ro.

##### 4.5. Năng lực nhân viên kế toán

Doanh nghiệp nên tuyển dụng đội ngũ kế toán có trình độ, có nghiệp vụ chuyên môn vững chắc, có phẩm chất đạo đức, có tinh thần trách nhiệm với công việc. Doanh nghiệp cần tổ chức phân công rõ ràng nhiệm vụ từng phòng ban, từng nhân viên để đảm bảo việc lập và trình bày BCTC theo đúng quy định. Cần phân chia rõ người thực hiện, người xét duyệt trong công tác hạch toán kế toán.

##### 4.6. Ứng dụng công nghệ thông tin

Doanh nghiệp cần đầu tư phần mềm kế toán để công tác kế toán được thực hiện hiệu quả hơn. Tạo cho mỗi kế toán viên một tài khoản người sử dụng

và mật khẩu nhằm giới hạn phạm vi sử dụng phần mềm đối với mỗi kế toán viên.

##### 4.7. Quy mô doanh nghiệp

Các DN có quy mô nhỏ vì điều kiện tài chính hạn hẹp nên chưa thể đầu tư nhiều cho công tác kế toán, tuy nhiên DN cần từng bước xây dựng và hoàn thiện bộ máy kế toán nhằm đảm bảo chất lượng thông tin kế toán.

##### 4.8. Các dịch vụ tài chính kế toán

Nếu không tự tổ chức bộ máy kế toán thì doanh nghiệp nên lựa chọn thuê các công ty dịch vụ kế toán có uy tín và đạo đức nghề nghiệp nhằm góp phần nâng cao chất lượng thông tin kế toán.

#### 5. Kết luận chung

Kết quả cho thấy có 8 nhân tố ảnh hưởng thuận chiều đến TCCTKT tại các DNNVV khu vực ĐBSCL. Trong đó, nhân tố Khung pháp lý về kế toán có mức độ tác động mạnh nhất đến TCCTKT tại các DNNVV khu vực ĐBSCL.

#### Tài liệu tham khảo:

Adeh Ratna Knomala, 2012. *The Influence of the Accounting Manager's Knowledge and the Top Managements' Support on the Accounting Information System and Its Impact on the Quality of Accounting Information: A Case of Zakat Institutions in Bandung*. *Journal of Global Management*, Vol. 4, No. 1, pp 57-73.

Ahmad Al-Hiyari & et. al, 2013. *Factors that Affect Accounting Information System Implementation and Accounting Information Quality: A survey in University Utara Malaysia*. *American Journal of Economics*, 3(1): 27-31.

Collis, J. & Jarvis, R., 2002. *Financial information and the management of small private companies*. *Journal of small business and enterprise development*, 9(2), pp. 100-110.

Ismail, N. A. (2009). *Factors influencing AIS effectiveness among manufacturing SMEs: Evidence from Malaysia*. *The Electronic Journal of Information Systems in Developing Countries*, 38.

Mandilas, A., Nikolaidis, M. & Valsamidis, S., 2010. *An empirical study on the adoption of IFRS for SMEs: the case of Kavala, Greece*. *mibes*, pp. 409-432.

Nguyễn Thị Huyền Trâm (2007), *Tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ Kế toán, ĐH Kinh tế TP.HCM.

Nunuy Nur Afiah & Dien Noviany Rahmatih, 2014. *Factor influencing the quality of financial reporting and its implications on good government governance*. *International Journal of Business, Economics and Law*, Vol. 5, Issue 1 (Dec)

Soderstrom, Sun, 2007. *IFRS Adoption and Accounting Quality: A Review*. *European Accounting Review*, pp. 675-702.